

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-07-2022

V/v “*Không công nhận
quan hệ vợ chồng, Tranh chấp nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Ký
2. Bà Lê Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2022 về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/06/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H - Sinh năm: 1972 .

Địa chỉ: thôn Hợp Thành, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn L - Sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Thôn Hợp Thành, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/03/2022 được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hai người sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai người không phù hợp; Anh L sống thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con; Thường xuyên to tiếng, nặng lời, gây sự với vợ con. Mâu thuẫn giữa anh L và chị H cứ thế càng ngày càng trầm trọng hơn, anh chị không thể chung sống với nhau được nữa. Hiện tại anh L và chị H sống trong tình trạng ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của chị, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung là cháu Vũ Văn L1, sinh ngày 26/03/1995, cháu Vũ Thị Tr, sinh ngày 07/7/1997 và cháu Vũ Thị Ng, sinh ngày 24/7/2005. Hiện nay cháu L1 và cháu Tr đã thành niên, đã có gia đình riêng, có sức khỏe, có công việc ổn định để tự nuôi sống bản thân. Khi anh chị không chung sống với nhau như vợ chồng nữa, chị H yêu cầu Tòa án giao cháu Ng cho chị (Là mẹ đẻ) trực tiếp nuôi dưỡng; Chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hai người sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai người không phù hợp; Thường xuyên to tiếng, cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Hiện tại anh chị sống trong tình trạng ly thân. Nhưng anh L vẫn còn tình cảm với chị H nên anh có nguyện vọng hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con chung. Vì vậy anh không đồng ý việc Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa anh với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung là cháu Vũ Văn L1, sinh ngày 26/03/1995 và cháu Vũ Thị Tr, sinh ngày 07/07/1997 và cháu Vũ Thị Ng, sinh ngày 24/07/2005. Hiện nay cháu L1 và cháu Tr đã thành niên, có sức khỏe, có việc làm ổn định để tự nuôi sống bản thân. Khi anh chị không chung sống với nhau như vợ chồng nữa, anh L yêu cầu Tòa án giao cháu Ng cho anh (Là bố đẻ) trực tiếp nuôi dưỡng; Anh L không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung: Anh L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại thôn Hợp Thành, xã Bình L1, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa:

Anh Vũ Văn L và chị Bùi Thị H đều đăng ký thường trú và cư trú ổn định tại thôn Hợp Thành, xã Bình L1, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Về hôn nhân: Anh L và chị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân cụ thể như thế nào thì thôn không rõ, vì anh chị không báo cáo và đề nghị thôn, cũng như chính quyền địa phương hòa giải mâu thuẫn gia đình.

- Về điều kiện nuôi con: Anh L và chị H có 03 con chung là cháu Vũ Văn L1, sinh ngày 26/03/1995 và cháu Vũ Thị Tr, sinh ngày 07/7/1997 và cháu Vũ Thị Ng, sinh ngày 24/7/2005. Hiện nay cháu L1 và cháu Tr đã thành niên, có sức khỏe, có công ăn việc làm ổn định để tự nuôi sống bản thân. Còn cháu Vũ Thị Ng hiện đang là học sinh. Anh L và chị H đều là những người lao động tự do, có sức khỏe, có chỗ ở ổn định và có thu nhập tối thiểu để đảm bảo việc nuôi con.

Nguyện vọng của cháu Vũ Thị Ng: Khi anh L và chị H không chung sống với nhau như vợ chồng nữa, cháu Ng có nguyện vọng tha thiết xin được ở với mẹ đẻ là chị Bùi Thị H.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về hôn nhân, yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh L là vợ chồng; Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ chung; Về việc nuôi con: Khi chị và anh L không chung sống với nhau như vợ chồng nữa, chị yêu cầu Tòa án giao cháu Ng cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh L phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng.

Tại phiên tòa, anh L vẫn giữ nguyên quan điểm về hôn nhân, không thống nhất về việc yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị H và anh là vợ chồng; Anh L thay đổi yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của anh và chị H; Về việc nuôi con: Khi anh và chị H không chung sống với nhau như vợ chồng nữa, anh yêu cầu Tòa án giao cháu Ng cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án,

thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử; Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 51, 63 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 227 và 334 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về hôn nhân, không công nhận chị H và anh L là vợ chồng, về nuôi con, giao cháu Ng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung: Tại phiên Tòa bị đơn yêu cầu giải quyết về phần tài sản. Nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Vũ Văn L. Bị đơn là anh L, cư trú tại thôn Hợp Thành, xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Cả chị H và anh L đều tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã Bình Lương, huyện Như Xuân, nơi anh chị cư trú từ năm 1994 đến nay xác nhận chị H và anh L không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Sau khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa 10 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình: “*Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có*

hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003...Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”. Từ năm 2003 đến nay, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị H và anh L vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định là vi phạm Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay do mâu thuẫn giữa hai người nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L. Xét thấy, yêu cầu của chị H là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh L theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Chị H và anh L có 03 con chung là cháu Vũ Văn L1, sinh ngày 26/03/1995; Cháu Vũ Thị Tr, sinh ngày 07/7/1997 và cháu Vũ Thị Ng, sinh ngày 24/7/2005. Hiện nay cháu L1 và cháu Tr đã thành niên.

Trên cơ sở xem xét các điều kiện về mọi mặt để nuôi dạy con của chị H và anh L. Xét nguyện vọng của chị H về việc nuôi con chung là chính đáng, bản thân cháu Ng là con gái đang ở giai đoạn dậy thì rất cần sự chăm sóc, giáo dục trực tiếp của người mẹ. Từ lúc anh L và chị H ly thân với nhau tới nay, cháu Ng ở với mẹ, mọi sinh hoạt của cháu là do chị H đảm nhiệm chăm lo. Mặt khác lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của cháu Ng thể hiện khi bố mẹ không sống chung với nhau nữa, cháu Ng có nguyện vọng tha thiết xin được ở với mẹ. Nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị của chị H là giao cháu Ng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, đồng thời cũng phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung. Tại phiên tòa bị đơn là anh Vũ Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng nên dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về chia tài sản, công nợ chung nếu đương sự có yêu cầu.

[3] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 thì chị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (hôn nhân); Nhưng chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0008205 ngày 29/03/2022, nên công nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí. Anh L không phải nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 6, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị H và anh Vũ Văn L.

Về con chung: Công nhận các cháu Vũ Văn L1, sinh ngày 26/03/1995; Cháu Vũ Thị Tr, sinh ngày 07/07/1997 và cháu Vũ Thị Ng, sinh ngày 24/07/2005 là các con chung của chị Bùi Thị H và anh Vũ Văn L. Giao cháu Vũ Thị Ng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác đối với yêu cầu chia tài sản chung, công nợ chung khi đương sự có yêu cầu.

Án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng hiện tại chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0008205 ngày 29/03/2022, nên công nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí. Anh Vũ Văn L không phải nộp tiền án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/07/2022).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Như Xuân;
- Chi cục THADS H.Như Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hằng